

KỶ NIỆM 125 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(19-5-1890 - 19-5-2015)

HỒ CHÍ MINH - TẤM GƯƠNG TIÊU BIỂU VÀ ĐỘC ĐÁO TRONG TIẾP BIẾN SÁNG TẠO NHỮNG TƯ TƯỞNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI

PHẠM XUÂN NAM (*)

Trong bài viết này, tác giả đã phân tích sự tiếp biến sáng tạo của Hồ Chí Minh đối với những tư tưởng lớn trên thế giới, thể hiện tập trung qua những tư tưởng cốt yếu nhất, đó là: Khẳng định chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước; chứng minh độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chỉ rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đồng thời là Đảng của dân tộc; chủ trương “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”; đề cao dân là chủ, dân làm chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân; nhấn mạnh “đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công”. Có thể nói, cho đến nay, những tư tưởng đó của Người vẫn giữ nguyên giá trị chỉ đạo ở tầm chiến lược đối với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam ngày nay.

Giữa năm 1911, khi vừa tròn 21 tuổi, Nguyễn Tất Thành quyết định rời Tổ quốc ra đi tìm một con đường mới để cứu nước cứu dân. Trải qua cuộc hành trình vạn dặm qua nhiều nước trên thế giới, nhờ dựa vững trên nền tảng văn hóa truyền thống dân tộc mà hồn cốt là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, cộng với những kiến thức từng được học về văn hóa phương Đông, Hồ Chí Minh đã có điều kiện mở rộng tầm nhìn, lựa chọn tiếp thu những giá trị ưu tú của văn hóa phương Tây, kết hợp tinh hoa văn hóa Đông - Tây, rồi đi đến

gặp gỡ chủ nghĩa Mác - Lênin, đánh dấu bước chuyển biến mới về chất trong quá trình phát triển tư tưởng của Người.

Từ đấy, với thế giới quan và phương pháp luận mácxít, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có thể phân tích, đánh giá, nhìn nhận một cách sáng rõ, toàn diện và đúng đắn hơn những tư tưởng lớn trong kho tàng văn hóa nhân loại, qua đó thực hiện việc đối chiếu, tương tác với hồn cốt văn hóa dân tộc để thấu

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hóa và cải biến sáng tạo chúng từ những giá trị tư tưởng ngoại sinh thành những giá trị tư tưởng nội sinh đáp ứng đúng yêu cầu cụ thể của thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Nhìn chung, việc tiếp biến sáng tạo những tư tưởng lớn trên thế giới do Hồ Chí Minh thực hiện là rất đa dạng và phong phú. Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung phân tích một số thành tựu tiêu biểu và độc đáo nhất của Người:

1. Khẳng định chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước

Ai nấy đều biết, trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và một số tác phẩm quan trọng khác của mình, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đều coi đấu tranh giai cấp là động lực chính trong quá trình vận động, phát triển của tất cả các xã hội đã phân chia thành giai cấp.

Mùa hè năm 1924, khi tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản, nơi diễn ra những cuộc thảo luận sôi nổi về đường lối chiến lược, sách lược của phong trào công nhân tại các nước tư bản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy nhiều đảng cộng sản ở châu Âu còn hiểu rất ít về các nước thuộc địa. Hơn nữa, trong hàng ngũ những người cộng sản lúc bấy giờ, sau khi V.I.Lênin mất, “lý luận về đấu tranh giai cấp đang có xu hướng bị cường điệu hóa”(1).

Trước tình hình ấy và trong khi khẩn trương chuẩn bị lên đường đi Quảng Châu (Trung Quốc) để được về gần Tổ quốc chỉ đạo phong trào cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc thấy cần thiết

phải trình bày rõ với Quốc tế Cộng sản quan điểm của mình về lý luận đấu tranh giai cấp của C.Mác và về phương hướng bổ sung, điều chỉnh lý luận đó cho sát hợp với đặc điểm tình hình xã hội Việt Nam. Trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924, Người viết: “Cuộc đấu tranh giai cấp [ở Việt Nam] không diễn ra giống như ở phương Tây”(2). Bởi khác với các nước châu Âu, ở Việt Nam “nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì đời sống của địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn, kẻ thì chẳng có tư tưởng. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu”(3).

Tiếp đó, Người đặt ra một số câu hỏi và tự trả lời: “Mai đây, khi chủ nghĩa tư bản phương Tây làm đổi thay phương Đông thì đấu tranh giai cấp có trở nên quyết liệt không? Đại thể là có, nếu xét gương của Nhật Bản... Nói cách khác, chủ nghĩa Mác sẽ còn đúng cả ở đó. Dù sao thì cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà

(1) Song Thành (chủ biên). *Hồ Chí Minh tiểu sử*. Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006, tr.149.

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.464.

(3) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.1, tr.464.

Mác ở thời mình không thể có được. Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”(4).

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc không phủ nhận tính chân thực của lý luận đấu tranh giai cấp của C.Mác đặt trong điều kiện của các xã hội phương Tây thời đó. Nhưng nếu đem áp dụng máy móc lý luận ấy vào hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam hoặc một số nước phương Đông khác cùng thời (như Ấn Độ, Trung Quốc), thì Người lại thấy nó không phù hợp. Vì thế, sau khi phân tích tình hình cụ thể của xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nơi mà xung đột quyền lợi giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc được giảm thiểu, trong khi mâu thuẫn giữa dân tộc với thực dân đế quốc lại nổi lên hàng đầu, Nguyễn Ái Quốc đã đi đến một luận điểm tư tưởng cực kỳ sáng suốt: “*Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*”(5).

Có thể khẳng định rằng, luận điểm đầy sức sáng tạo về “*chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*” mà Nguyễn Ái Quốc nêu lên từ năm 1924, về sau đã trở thành căn cứ lý luận quan trọng để chính Người thảo ra *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* năm 1930 của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hai văn kiện đó chỉ rõ: Cùng với việc thu phục đại bộ phận quần chúng công nông, Đảng còn phải hết sức liên lạc, lôi kéo tất cả các giai tầng, các nhóm xã hội khác trong cộng đồng dân tộc là

“*tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v.*”, kể cả “*trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng*”(6) để tiến hành cuộc đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Mặc dù có lúc đã bị phê phán và bác bỏ, song trải qua kiểm nghiệm của thực tiễn, ngày nay hai văn kiện lịch sử đó đã được chính thức thừa nhận là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng ta.

Tinh thần cốt lõi của luận điểm kể trên cũng được thể hiện rõ trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 của Đảng (5 - 1941), khi Đảng ta chủ trương đặt vấn đề giải phóng dân tộc cao hơn tất cả, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất lại – một chủ trương có tác dụng khơi dậy và nhân lên sức mạnh của cả dân tộc để làm nên thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đến khi công bố bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2 - 9 - 1945, Hồ Chí Minh đã dẫn ra mệnh đề nổi tiếng trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ (do Thomas Jefferson viết) về quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của tất cả mọi người. Nhưng từ mệnh đề đó, Hồ Chí Minh đã “suy rộng ra” để khẳng định một chân lý mới trong thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên giành giải phóng: “*Tất cả các dân tộc trên thế giới*

(4) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.465.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.1, tr.466.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.3, tr.3.

đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”(7).

Không phủ nhận quyền của con người với tư cách là mỗi cá nhân, Hồ Chí Minh đã đặt quyền của các dân tộc vào vị trí trung tâm. Điều đó cũng có nghĩa rằng tinh thần của luận điểm “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” còn thấm đậm cả ở trong Tuyên ngôn độc lập và những văn kiện chính trị trọng yếu khác của Người sau này, như Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19 - 12 - 1946) hay lời tuyên bố danh thếp “không có gì quý hơn độc lập tự do” (17 - 7 - 1966), v.v..

2. Chứng minh độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Học thuyết Mác - Lênin về cách mạng vô sản đã chỉ ra rằng, từ những thập niên đầu thế kỷ XIX tại nhiều nước Âu - Mỹ, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đại công nghiệp do giai cấp tư sản nắm quyền sở hữu thì sự bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản ngày càng tăng lên. Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản ngày càng trở nên gay gắt. Điều đó sớm muộn sẽ dẫn đến sự bùng nổ của cách mạng vô sản. Và sau khi cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân liên minh với quần chúng nông dân lao động phải thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản để cải tạo xã hội cũ và xây dựng một xã hội mới tiến bộ và công bằng hơn qua ba giai đoạn: i) Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, tức thời kỳ “cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia”; ii) Giai đoạn

đầu hay giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa được gọi là chủ nghĩa xã hội; iii) Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa được xem là chủ nghĩa cộng sản hoàn thiện(8).

Không bám vào từng câu chữ mà chỉ nắm lấy thực chất tư tưởng của các nhà kinh điển Mác - Lênin để vận dụng vào điều kiện cụ thể của nước nhà, Hồ Chí Minh đã đưa ra luận điểm sáng tạo về con đường cách mạng Việt Nam. Đó là con đường **độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội**.

Theo Người, độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để một dân tộc tự làm chủ lấy vận mệnh của mình. Nhưng độc lập dân tộc không thể tách rời với tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Bởi, “nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”(9). Vì thế, sau khi đánh đổ ách thống trị thực dân - phong kiến, giành độc lập cho Tổ quốc, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng “một nước dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội”(10) nhằm làm cho nhân dân ta thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Đến lượt nó, chủ nghĩa xã hội càng được xây dựng thành công bao nhiêu thì càng tạo ra điều kiện bảo đảm vững chắc bấy nhiêu cho độc lập dân tộc.

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.1.

(8) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.35-36, 47; và V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.33. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr.223.

(9) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.56.

(10) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.322.

Nhưng Hồ Chí Minh đã không lý luận dài dòng về chủ nghĩa xã hội với những mục tiêu, phương tiện, những tiêu chí đầy đủ của một mô hình lý tưởng được xây dựng sẵn trong đầu óc để từ đó bắt “hiện thực phải khuôn theo”(11), như C.Mác và Ph.Ăngghen từng cảnh báo. Năm vũng linh hồn sống của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, Người đã giải thích về chủ nghĩa xã hội một cách rất thiết thực, mộc mạc, dễ hiểu, dễ nhớ đối với đồng bào trong nước: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội”(12). “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và do nhân dân xây dựng lấy”(13). “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh”(14)...

Đó mới chính là mục tiêu bản chất có tính cơ bản lâu dài của chủ nghĩa xã hội mà toàn Đảng, toàn dân ta đã và đang ra sức phấn đấu để đạt tới.

3. Chỉ rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đồng thời là Đảng của dân tộc

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đều khẳng định Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp vô sản, đấu tranh cho quyền lợi của giai cấp vô

sản nước mình và của giai cấp vô sản trên toàn thế giới. Đảng gồm những phần tử ưu tú trong giai cấp vô sản, là đội tiên phong và bộ tham mưu của giai cấp vô sản(15).

Vận dụng sáng tạo luận điểm đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh cho rằng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam không phải chỉ là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân như ở các nước tư bản công nghiệp phát triển, mà còn là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam(16). Đảng không chỉ thu hút vào hàng ngũ của mình những công nhân ưu tú mà còn kết nạp những nông dân ưu tú, trí thức, học sinh, sinh viên ưu tú, và cả những người thuộc các thành phần khác được giác ngộ, thử thách, tự nguyện chiến đấu cho lý tưởng của Đảng.

Đó là lý do giải thích vì sao trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội II của Đảng (2-1951), Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam” (tác giả nhấn mạnh)(17).

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*. Sdd., t.3, tr.51.

(12) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.10, tr.591.

(13) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.10, tr.556.

(14) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.8, tr.226.

(15) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.4, tr.614-615.

(16) Xem: Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.10, tr.8.

(17) Hồ Chí Minh. *Sdd.*, t.6, tr.175.

Đến khi miền Bắc nước ta cơ bản đã hoàn thành cách mạng dân tộc - dân chủ và bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tư tưởng nêu trên vẫn được Hồ Chí Minh nhắc lại để chỉ đạo toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Giữa năm 1957, khi đến thăm Trường Cán bộ công đoàn, Người nói: “Đảng mình... là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc”(18).

Kế thừa và phát huy tư tưởng quan trọng kể trên của Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), do Đại hội XI của Đảng (1 - 2011) thông qua, một lần nữa khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”(19).

4. Chủ trương “trăm điều phải có thần linh pháp quyền”

Giữa năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 điều mà Nguyễn Ái Quốc đã gửi đến Hội nghị Versailles, điều 7 nêu lên yêu cầu: “Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật”(20).

Để có thể dễ dàng truyền bá trong số những người Việt ở Pháp và đông đảo đồng bào trong nước, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển thể nội dung bản *Yêu sách* thành *Việt Nam yêu cầu ca*. Trong đó, có câu vừa phản ánh đúng tinh thần vừa có phần mở rộng thêm về phạm vi

bao quát so với điều 7 đã nêu ở trên:

“*Bảy xin hiến pháp ban hành,
Trăm điều phải có thần linh
pháp quyền*” (tác giả nhấn mạnh)(21).

Sau này, trên cương vị người đứng đầu Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến xây dựng nhà nước hợp hiến, đặt nền móng cho một Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Ngay sau ngày công bố bản *Tuyên ngôn độc lập*, trong cuộc họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước ta. Về nhiệm vụ thứ ba, Người nói: “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc **TỔNG TUYỂN CỬ** với chế độ phổ thông đầu phiếu”(22).

Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng nêu trên, Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban đã khẩn trương soạn ra bản *Đề án Hiến pháp* và công bố rộng rãi trên báo *Cứu Quốc* để nhân dân đóng góp ý kiến.

Ngày 6 - 1 - 1946, cuộc tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử dân tộc đã được tổ chức thành công và bầu ra được 333 đại biểu Quốc hội. Ngày 2 - 3 - 1946, tại phiên họp đầu tiên, Quốc hội đã nhất trí bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch

(18) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.295.

(19) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.31.

(20) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.1, tr.436.

(21) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.1, tr.438.

(22) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.4, tr.8.

Chính phủ Liên hiệp kháng chiến. Đến kỳ họp thứ hai, Quốc hội đã thảo luận dân chủ và biểu quyết nhất trí thông qua toàn văn bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào ngày 9-11-1946. Đánh giá về sự kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Quốc hội đã thu được một kết quả làm vẻ vang cho đất nước là đã thảo luận xong bản Hiến pháp... Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó đã tuyên bố với thế giới: Phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. Hiến pháp đó đã nêu cao một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp”(23).

Rõ ràng, nội dung của bản Hiến pháp năm 1946 không chỉ thấm nhuần một tư tưởng lớn trên thế giới về nền tảng đạo đức của pháp luật, mà còn làm phong phú thêm tư tưởng ấy bằng việc nhấn mạnh sự cần thiết phải kết hợp chặt chẽ giữa việc thực thi pháp luật với việc tôn trọng những giá trị văn hóa cao đẹp là *độc lập, tự do, bình đẳng, đoàn kết, liêm khiết, công bằng* trong quản lý xã hội.

Về sau, trong *Thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc* (2 - 1948), Hồ Chủ tịch lại yêu cầu những người có trách nhiệm thi hành pháp luật phải “nêu cao cái gương *“phụng công, thủ pháp, chí công vô tư”* cho nhân dân noi theo”(24).

5. Đề cao dân là chủ, dân làm chủ; quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân

Từ giữa thế kỷ XIX, khi phê phán quan điểm chính trị thủ cựu của Hêghen cho rằng chủ quyền của nhà vua Phổ đối với nhân dân trong nước là tuyệt đối, C.Mác đã nêu lên một tư tưởng hết sức sâu sắc và có tính cách mạng trong hoàn cảnh xã hội đương thời. Đó là chủ quyền của nhân dân phải trở thành vấn đề trung tâm trong một chế độ dân chủ và một nhà nước dân chủ chân chính: “Trong chế độ quân chủ, chúng ta có nhân dân của chế độ nhà nước; trong chế độ dân chủ, chúng ta có chế độ nhà nước của nhân dân. *Chế độ dân chủ là câu đố đã được giải đáp của mọi hình thức nhà nước. Ở đây, chế độ nhà nước... ngày càng hướng tới cơ sở hiện thực của nó, tới con người hiện thực, nhân dân hiện thực, và được xác định là sự nghiệp của bản thân nhân dân*”(25).

Tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng nêu trên của nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học vào điều kiện cụ thể của nước nhà, đồng thời với phong cách của một nhà hiền triết phương Đông, Hồ Chí Minh đã không trình bày tư tưởng của mình bằng những mệnh đề lý luận trừu tượng như các nhà triết học phương Tây. Trái lại, Người chỉ đưa ra những ý kiến vừa cô đọng, súc tích vừa mộc mạc,

(23) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.4, tr.440.

(24) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.382.

(25) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập. Sđd.*, t.1, tr.349.

để hiểu về bản chất của chế độ dân chủ, về chủ quyền của nhân dân trong nhà nước kiểu mới, về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, xây dựng và đổi mới xã hội. Người viết: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì *dân là chủ*”(26). Ít năm sau, nói chuyện với nhân dân Hải Phòng (5 - 1957), Người lại chỉ rõ: “Nước ta bây giờ là nước dân chủ. Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác làm gì? Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải làm quan cách mạng”(27).

Có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với các tư tưởng về *dân là chủ, dân làm chủ, tư tưởng quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân* mà Hồ Chí Minh nêu lên trong tác phẩm *Dân vận* (10 - 1949) lại có điểm cụ thể hóa và phát triển thêm so với tư tưởng của C.Mác về dân chủ. Bởi lẽ, khác với bối cảnh của nước Phổ nói riêng và châu Âu nói chung vào giữa thế kỷ XIX, hoàn cảnh cụ thể của nước ta cuối những năm 40 của thế kỷ XX, khi Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời đã phải tận lực huy động sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân để kháng chiến thắng lợi, kiến quốc thành công, thì bên cạnh việc khẳng định chủ quyền hay quyền hành của nhân dân, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến việc phát huy lực lượng to lớn của nhân dân. Người viết:

“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân,

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân...

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”(28).

Có thể xem những mệnh đề tư tưởng hợp thành hệ thống quan điểm mà Hồ Chí Minh nêu ra trên đây đã thật sự đạt tới tầm minh triết về chế độ dân chủ và nhà nước dân chủ ở nước ta.

6. Nhấn mạnh đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công

Lịch sử phong trào công nhân lao động và phong trào cộng sản quốc tế hơn 150 năm nay đã ghi lại những sự kiện lớn: Trong *Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp Lao động Quốc tế*, tức Quốc tế I (9 - 1864), C.Mác đã nêu lên khẩu hiệu *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!* Đến đầu thế kỷ XX, trong điều kiện mới của tình hình thế giới sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thành công, V.I.Lênin đã đứng ra thành lập Quốc tế Cộng sản, tức Quốc tế III (3 - 1919) và đề nghị phát triển khẩu hiệu của C.Mác thành *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*

Tiếp thu tư tưởng đoàn kết quốc tế của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời kế thừa truyền thống yêu nước, tinh thần cố kết cộng đồng của dân tộc từ lâu đời, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn

(26) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.6, tr.515.

(27) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.8, tr.375.

(28) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.5, tr.698.

khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của đoàn kết trong Đảng, đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người ở Việt Nam.

Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* (xuất bản lần đầu năm 1925), Nguyễn Ái Quốc đã sớm vạch trần âm mưu “chia để trị” của chủ nghĩa thực dân Pháp và chỉ ra yêu cầu phải xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc để đánh bại kẻ thù.

Giữa năm 1941, sau khi đã trở về Tổ quốc trực tiếp lãnh đạo cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng” (29). Đến giữa tháng 8 - 1945, khi thời cơ cách mạng đã chín muồi, Hồ Chí Minh liền ra lời kêu gọi: “Hỡi đồng bào yêu quý! Bốn năm trước đây, *tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập...* [Nay] Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng lên đem sức ta mà giải phóng cho ta” (30).

Về sau, trong *Bài nói chuyện với cán bộ về công tác Mặt trận* (8 - 1962), Hồ Chủ tịch chỉ rõ: Nhờ đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công; đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, nhân dân ta đã kháng chiến chống Pháp thắng lợi, hoàn toàn giải phóng

miền Bắc. Giờ đây, chúng ta càng phải đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Tổ quốc để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà (31).

Chính nhờ phân tích sâu sắc tình hình thực tế của phong trào cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh đã rút ra một luận điểm tư tưởng hết sức độc đáo và sâu sắc về cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó là tư tưởng: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công” (32).

Tóm lại, là kết quả của quá trình dày công nghiên ngẫm, lựa chọn tiếp thu, đồng thời không ngừng cải biến, bổ sung những tinh hoa tư tưởng trong kho tàng văn hóa nhân loại bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam, hệ thống sáu luận điểm tư tưởng cốt yếu mà Hồ Chí Minh từng tiếp biến sáng tạo nêu trên đã thật sự trở thành ngọn đèn pha soi đường, chỉ lối cho toàn Đảng, toàn dân ta tiến lên giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong những thập niên qua.

Hệ thống những luận điểm tư tưởng sáng suốt đó vẫn giữ nguyên giá trị chỉ đạo ở tầm chiến lược đối với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam ngày nay. □

(29) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.3, tr.198.

(30) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.553 - 554.

(31) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.604 - 605.

(32) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.10, tr.607.